

Phần 4 – Quyển 1

量子 或然率 原理

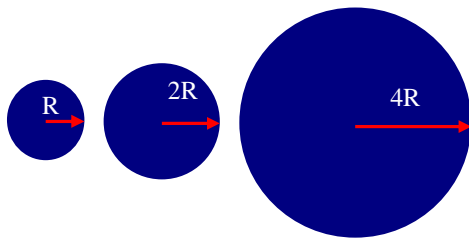
Nguyên lý Xác suất – Lượng tử hoá

Khoa học Phương Đông Cổ đại xác nhận rằng Vũ trụ và mọi Vật trong Tự nhiên cũng như trong Vũ trụ đều được sinh ra, sau đó luôn tồn tại, vận động, tiến hoá và phát triển theo những Quy luật Đồng dạng được gọi là Quy luật Tự nhiên.

Hơn nữa, Khoa học Phương Đông Cổ đại còn qui mọi Quy luật Tự nhiên thành ba Quy luật Cơ bản đó là Âm – Dương, Ngũ Hành và Bát Quái mà Khoa học Phương Đông Cổ đại đã xây dựng thành các Học thuyết tương ứng được gọi là Tam Thuyết. Tam Thuyết dựa trên các Nguyên lý Cơ bản của Xác suất, Lượng tử hoá và các Phép Qui nạp cũng như Toán học Logic về các Chuỗi và các Tập hợp Xác suất – Lượng tử hoá.

1. Lượng tử 量子

Tam Thuyết cho rằng các Giá trị Lượng tử được xác định bởi Nguyên lý Bất Xác định Lượng tử từ Giá trị ban đầu.



Các Lượng tử của Vũ trụ và Tự nhiên luôn phát triển theo *nguyên lý nhân đôi*

Giả sử Giá trị ban đầu của Vũ trụ là U_0 , Giá trị Lượng tử tiếp đó là U_1 sẽ được xác định gấp đôi giá trị ban đầu. Có nghĩa là $U_1 = 2U_0$.

Tương tự, Giá trị Lượng tử U_2 sẽ được xác định bởi $2U_1$ tức là $4U_0$...

Các Giá trị Lượng tử của Chuỗi được xác định bởi hệ thức dưới đây:

$$U_n = U_0 \cdot 2^n$$

Trong đó, U_0 được xác định bởi bất kỳ Giá trị ban đầu.

Thực tế, mọi Vật luôn tăng trưởng Giá trị của chúng không ngừng sao cho có thể vượt quá Giá trị được xác định ban đầu của chúng. Vì vậy, rất khó xác định bất kỳ Giá trị Lượng tử (Nguyên lý Bất xác định Lượng tử).

Định luật thứ nhất: Luôn tồn tại một Giá trị bất kỳ để xác định Giá trị Lượng tử ban đầu của mọi Vật trong Vũ trụ và Tự nhiên.

2. Lượng tử hoá

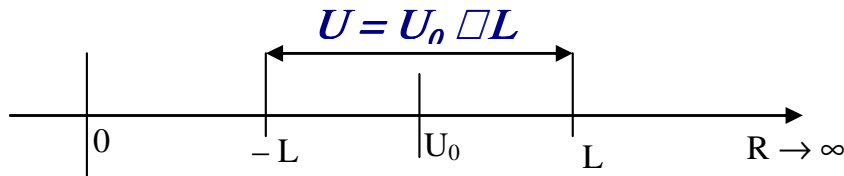
Mọi Vật trong Tự nhiên rất khó để xác định Giá trị Lượng tử của chúng bởi vì chúng luôn tồn tại mọi Giá trị theo Chuỗi số Thực từ $-\infty$ đến $+\infty$. Vì vậy, không thể xác định được một Lượng tử bất kỳ một cách chính

xác theo hệ thức nói trên: Cần phải Lượng tử hoá bởi một khoảng Giá trị như hệ thức dưới đây:

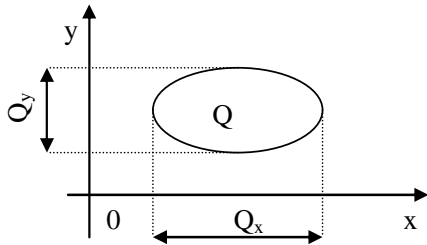
$$U = U_0 \pm L$$

Trong đó: $L \leq U_0/2$.

Trục Số Thực diễn tả Khoảng Giá trị Lượng tử như dưới đây:



Hơn nữa, Khoảng Giá trị Lượng tử còn được xác định bởi Tập hợp Lượng tử như dưới đây:



Khoảng Giá trị Lượng tử được xác định bởi phạm vi của Q được tạo bởi Q_x và Q_y theo hai Trục Số Thực (x, y) , có nghĩa là Hệ Trục Toạ độ Decastres.

Mỗi Trục sẽ xác định một Giá trị Lượng tử tương ứng như dưới đây:

Đối với trục x:

$$U_x = U_{0x} \pm L_x$$

Đối với trục y:

$$U_y = U_{0y} \pm L_y$$

Theo trên, Tập hợp Lượng tử diễn tả đầy đủ Giá trị Lượng tử trong Phạm vi Xác định Lượng tử Gần đúng được gọi là Khoảng Xác định Lượng tử hoá.

Định luật thứ hai: Luôn tồn tại Giá trị Lượng tử Gần đúng được qui đổi thành Tập Lượng tử để xác định Giá trị Lượng tử đang tồn tại đối với mọi Vật thể trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội

Như vậy, **Lượng tử hoá là khái niệm hết sức quan trọng** dùng để xác định khoảng hay phạm vi xác định gần đúng của Lượng tử và của mọi **Sự vật – Hiện tượng bất qui được qui nạp thành Lượng tử**. Thực tế, các Thực thể và mọi Sự vật trong Tự nhiên và Vũ trụ không bao giờ phân biệt rõ mà luôn tồn tại một khoảng ‘Dung sai’ nhất định.

3. Quy luật của Tự nhiên

Khoa học Phương Đông Cổ đại cho rằng Nguồn gốc của Vạn vật trong Vũ trụ chính là sự Đối lập giữa các Cặp Thuộc tính của Vật chất và để duy được sự tồn tại cũng như vận động và biến đổi để phát triển đó chính là

Chuyển động. Vì vậy, Trường phái Kinh Dịch đã được ra đời và phát triển trên các Nguyên lý Cơ bản của Động học. Đó là ý tưởng đúng đắn: Tam Thuyết khẳng định Vũ trụ và mọi Vật được tạo bởi năm Trạng thái Cơ bản gồm: Hình thành, Tồn tại, Vận động (Chuyển động), Biến đổi và Phát triển... tất cả đều có gốc từ Động học Vật lý.

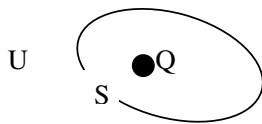
Động học sẽ sinh ra Năng lượng và định hình cho mọi Sự vật. Nếu mọi vật ngừng chuyển động thì Vũ trụ sẽ biến mất, không Sự vật nào có thể tồn tại nếu nó không tự chuyển động ngay chính bên trong nó hoặc bên ngoài nó.

Với Tư tưởng đó, Kinh Dịch hay Dịch học đã nắm bắt được nền tảng vững chắc của Động học Vật lý mà nó sẽ nắm chắc được đầy đủ các đặc tính của mọi Sự vật – Hiện tượng: Tam Thuyết chỉ cần xác định bất kỳ Sự vật hay Hiện tượng nào nếu thông qua các Quy luật vận động của nó trong Tự nhiên và Vũ trụ.

Có nghĩa rằng nếu xác định mọi sự Vận động của Sự vật – Hiện tượng thì cũng có nghĩa là có thể xác định được Sự vật – Hiện tượng đó. Vì vậy, những nghiên cứu liên quan đến Động học được Khoa học Phương Đông Cổ đại gọi là Dịch học là vì vậy.

Định luật thứ ba: Sự Chuyển động duy trì sự tồn tại cho mọi Sự vật và Hiện tượng trong Vũ trụ và Tự nhiên.

4. Xác suất



Xác suất được áp dụng cho việc xác định khả năng tồn tại của Sự vật và Hiện tượng đang xảy ra trong Vũ trụ và Tự nhiên nói chung.: Khi mọi Sự vật và Hiện tượng vận động thì trong từng thời điểm nó luôn biến đổi cả về vị trí (thay đổi về Không gian) trong Vũ trụ cũng như thay đổi cả về giá trị của chính nó. Vì vậy, việc xác định nó theo những nguyên tắc cứng nhắc là phải chỉ ra Vị trí cụ thể cũng như Giá trị cụ thể của Sự vật – Hiện tượng là một việc hết sức khó khăn.

Thay vào đó, nhất thiết phải áp dụng Xác suất để xác định một Phạm vi Tồn tại và Giá trị mà Sự vật – Hiện tượng có thể đạt được trong mọi thời điểm khác nhau (nếu buộc phải chỉ ra một cách chính xác Vị trí tồn tại cũng như Giá trị đạt được thì nó chỉ là những Giá trị có tính tức thời, không phù hợp với mọi thời điểm khác nhau vì mọi Sự vật – Hiện tượng luôn biến đổi nên những Giá trị mà nó có thể có đều thay đổi liên tục).

Theo hình minh họa trên, giả sử Lượng tử Q cần được xác định chỉ là một Phần tử rất nhỏ nhưng không thể xác định được chính xác Vị trí cũng như những Giá trị có thể có của nó: Cần phải xác định Khoảng Gần đúng về

cả Vị trí có thể xuất hiện và tồn tại của nó cũng như những Giá trị mà nó có thể đạt được trong mọi thời điểm khác nhau.

Nếu nó vận động (chuyển động và thay đổi) vượt quá Khoảng Xác định Lượng tử Gần đúng thì có nghĩa là nó sẽ ‘rơi’ vào Vũ trụ: Vũ trụ bao hàm tất cả mọi khoảng xác định của Lượng tử. Như vậy, Xác suất của Lượng tử S chỉ là một khoảng rất nhỏ trong Vũ trụ và được diễn đạt như sau:

$$S \in U;$$

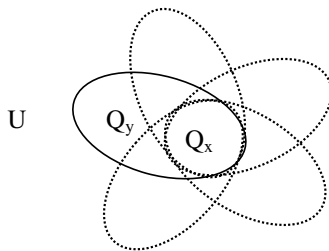
$$Q \in S;$$

$$P_Q = 1$$

Xác suất của Lượng tử Q là P_Q có thể xuất hiện trong Mặt Gần đúng S luôn bằng 1. Nếu nó vượt quá Mặt S thì Xác suất của nó sẽ nhỏ hơn 1 và sẽ xuất hiện thường xuyên trong Vũ trụ.

5. Xác suất – Lượng tử hoá

Theo Nguyên lý Ngũ Hành, Mặt S xác định Khoảng Tồn tại Lượng tử Gần đúng cũng không đứng yên tại Vị trí đã được xác định mà chính bản thân nó cũng luôn bị thay đổi theo năm Vị trí khác nhau theo Mặt phẳng ngang và năm Vị trí khác theo Không gian bên ngoài (Vũ trụ).



Vì vậy, nó càng khó khăn hơn cho việc xác định Xác suất Tồn tại của Lượng tử cũng như Giá trị Tồn tại của Lượng tử.

Nhất thiết phải áp dụng khái niệm Xác suất – Lượng tử hoá để xác định Khả năng Tồn tại của bất kỳ Lượng tử nào có thể tồn tại trong Không gian của Vũ trụ. Trong mỗi Chu kỳ, Xác suất của Lượng tử Q được xác định bởi Mặt Gần đúng S, và Tổng Xác suất của Lượng tử trong Chuỗi các Chu kỳ vận động – biến đổi (được gọi là Biến Động hay còn gọi là Dịch) được xác định như sau:

$$P = \sum_1^n P_i ;$$

Trong đó, P_i là Xác suất riêng phần của mỗi Chu kỳ, $P_i < 1$ sao cho Tổng Xác suất luôn bằng 1 như sau:

$$P = \sum_1^n P_i = 1$$

Theo trên, Xác suất của mỗi Chu kỳ P_i sẽ được xác định một cách gần đúng bởi hệ thức sau đây:

$$P_i \approx P/n$$

6. Lượng tử Mờ

Nếu Xác suất của Lượng tử đang tồn tại nhỏ hơn 1 thì nó sẽ tạo ra Lượng tử Mờ (hay nói đúng hơn là nếu Xác suất Lượng tử bé hơn 1 thì ta gọi đó là Lượng tử Mờ) bởi vì Mặt Xác định Lượng tử Gần đúng phải được giãn rộng hơn để có thể xác định được Xác suất của Lượng tử đúng bằng 1 như sau:

$$P_{Si} < 1;$$

$$P_U = 1$$

Có nghĩa là, nếu Xác suất của Lượng tử đang tồn tại trong Khoảng Xác định gần đúng S luôn nhỏ hơn 1 thì Tổng Xác suất của Lượng tử sẽ chắc chắn đúng bằng 1 nếu được xác định trong toàn Vũ trụ.

Tuy nhiên, nếu chỉ cần xác định Xác suất của Lượng tử mà phải ‘tìm kiếm’ trong toàn Vũ trụ thì quả là ‘quá phí phạm công sức một cách không cần thiết’.

Vì vậy, Khái niệm Lượng tử Mờ dùng để xác định mọi Lượng tử đang tồn tại với Xác suất nhỏ hơn 1 như dưới đây:

$$\text{If } P_{Si} < 1 \text{ then } A = 1 - P_{Si}$$

Trong đó, A là Xác suất Bù của Lượng tử đang tồn tại và được xác định trong toàn Không gian của Vũ trụ. P_{Si} là Xác suất của Lượng tử đang tồn tại trong Khoảng Xác định Lượng tử Gần đúng. S_i .

Mặt khác, nếu Xác suất của Lượng tử đang tồn tại trong Mặt (Khoảng) Gần đúng S_i nhỏ hơn 1 thì nó phải xác định thêm Xác suất Bù A sao cho thỏa mãn Hệ thức dưới đây:

$$P = A + P_{Si} = 1$$

Đó chính là Lượng tử Mờ.

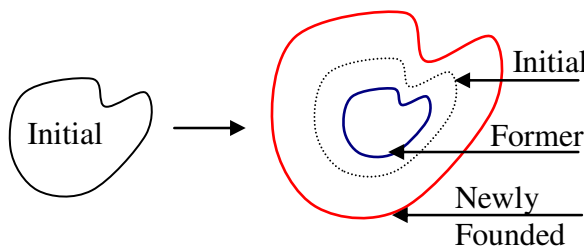
7. Nhân đôi Cấu trúc

Tam Thuyết khẳng định mọi Biến Động trong Vũ trụ luôn biến đổi và phát triển theo Nguyên lý Nhân đôi (Thuyết Nhân đôi Vũ trụ) như sau:

$$\text{Over}U = U_0 + L;$$

$$\text{Minus}U = U_0 - L$$

Trong đó, U_0 : Lượng tử ban đầu, $\text{Over}U$: Lượng tử Mới được sinh ra, $\text{Minus}U$: Lượng tử Cũ trước đó.

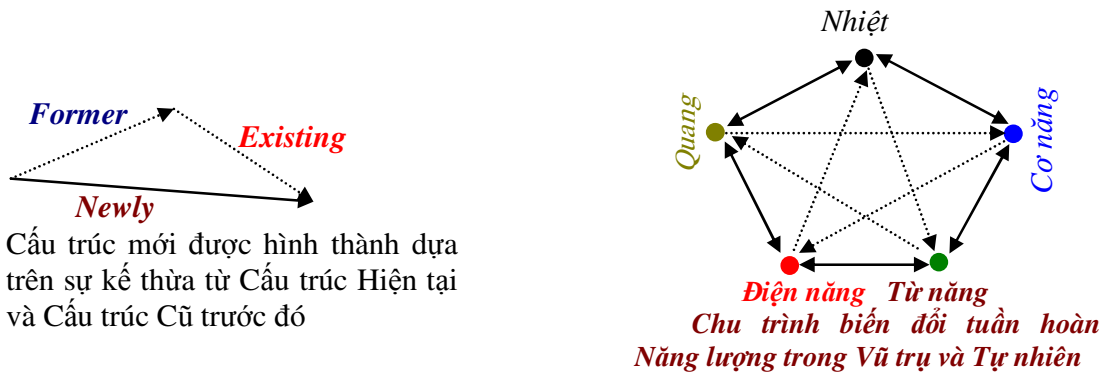


$$\text{Over}U = U_{n+1};$$

$$U_0 = U_n;$$

$$\text{Minus}U = U_{n-1}$$

Có nghĩa là Lượng tử Mới được sinh ra nhờ sự hợp thành của hai Lượng tử gồm Lượng tử Hiện tại (ban đầu) và Lượng tử Cũ trước nó (Trước Lượng tử ban đầu đang được xem xét). Mặt khác, có thể tạo ra Lượng tử Mới (Newly) nếu nó có thể làm tái hiện Lượng tử Cũ (Former) trước đó sao cho hợp bởi cả Lượng tử Cũ (Former) và Lượng tử Hiện tại (Existing) để tạo ra Lượng tử Mới.



Hình trên minh họa sự Thừa kế của Lượng tử Mới trên cơ sở của Lượng tử Hiện tại và Lượng tử Cũ.

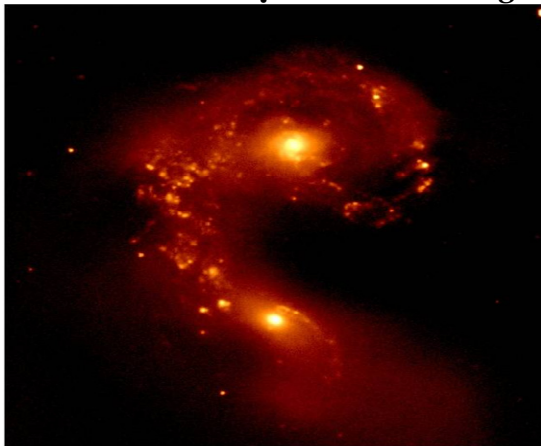
Có thể giải thích như sau: Giả sử Động cơ Đốt trong có thể biến đổi Nhiên liệu thành Cơ năng, nó phải tạo ra Quang năng và Nhiệt năng. Vì vậy, Quang năng được gọi là Lượng tử Cũ, Nhiệt năng được gọi là Lượng tử Hiện tại.

Cơ năng kế thừa Quang năng và Nhiệt năng để sản ra Công cho Động cơ Đốt trong.

Tương tự, để có thể phát ra Điện năng ở các Máy Phát Điện, cần phải tạo từ Cơ năng và Nhiệt năng.

Nguyên lý này được khai triển một cách Biện chứng như dưới đây:

a. Tạo Cấu trúc đồng dạng



Sự nhân đôi của Vũ trụ và Tự nhiên luôn tạo ra Cấu trúc đồng dạng với nhau



Mọi Quá trình Nhân đôi Cấu trúc (Nhân đôi Thực thể) của Tự nhiên và Vũ trụ đều tạo ra hai Cấu trúc Mới Đồng dạng với nhau bao gồm một Cấu trúc Mới (mới tuyệt đối) và một Cấu trúc Cũ trước đó. Đặc biệt, Cấu trúc Hiện tại sẽ bị đào thải.

Nó cho phép khẳng định rằng Tự nhiên và Vũ trụ luôn tạo ra các Cấu trúc mới bởi sự biến đổi (tiến hoá) của Cấu trúc Hiện tại theo Nguyên lý ‘Sao chép’ sao cho Cấu trúc Mới luôn đồng dạng với Cấu trúc Hiện tại.



Vì vậy, nó luôn tạo ra sự đồng dạng giữa các Hệ thống kế cận nhau (ví dụ, sự Tiến hoá Sinh học, sự Tiến hoá của các Nguyên tố Hoá học...) của Tự nhiên và Vũ trụ.

Định luật thứ tư: Trong Chuỗi các Hệ thống Tiến hoá của Tự nhiên và Vũ trụ, luôn tồn tại ít nhất ba Hệ thống Kế cận Đồng dạng một cách liên tục.

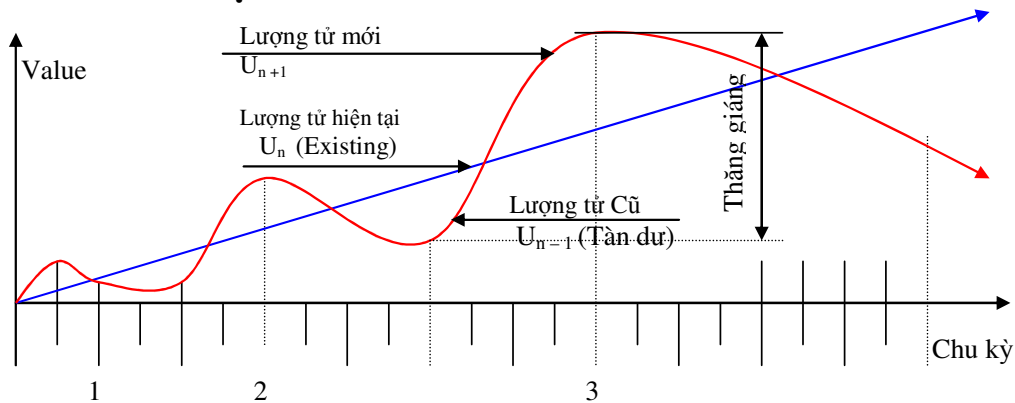
$$\text{Over}U = U_{n+1};$$

$$U_0 = U_n;$$

$$\text{Minus}U = U_{n-1}$$

Trong đó, $\text{Over}U = U_{n+1}$: Hệ thống Mới, $U_n = U_0$: Hệ thống Hiện tại, $\text{Minus}U = U_{n-1}$: Hệ thống Cũ đều là các Hệ thống Đồng dạng.

b. Tái hiện Cấu trúc Cũ



Luôn xảy ra một hiện tượng hết sức kỳ lạ, trước một Chu kỳ Tiến hoá bất kỳ của tự nhiên và Vũ trụ được xảy ra, nó luôn tái hiện các Cấu trúc Cũ của Chu kỳ Tiến hoá Cũ trước đó (nếu xem Chu kỳ Hiện tại là n , Chu kỳ Mới là $n+1$ thì Chu kỳ Cũ trước nó là $n-1$).

Cấu trúc Cũ đối lập thường xuyên với Cấu trúc Mới và được gọi là Tàn Dư của Quá trình Tiến hoá.

Hơn nữa, trước mỗi Cuộc Cách mạng Cải tổ Xã hội được diễn ra, bao giờ nó cũng phải quay về Chế độ Xã hội trước đó và tạo nên sự Tụt hậu (được gọi là Thời kỳ Quá độ) để tạo nên sự tích lũy Tiềm năng cho cuộc Cách mạng mới.

Vì vậy, khi Xã hội Mới được thiết lập, luôn tồn tại những Tàn dư của các Chế độ Cũ trong Xã hội Mới.

Định luật thứ năm: Trong Chuỗi các Thế hệ Tiến hoá, luôn tồn tại Cặp các Thế hệ đối lập nhau G_{n-1} và G_{n+1} .

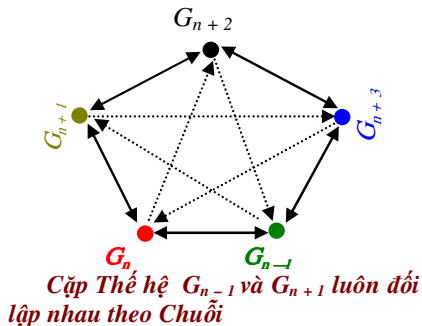
$$\text{Over}U = U_{n+1};$$

$$\text{Minus}U = U_{n-1};$$

$$\text{Over}U > < \text{Minus}U$$

Trong đó, OverU và MinusU chống đối lẫn nhau.

Theo hình bên, giả sử Quang năng là Thế hệ G_{n-1} thì Nhiệt năng là Thế hệ G_n và Cơ năng là Thế hệ G_{n+1} ...

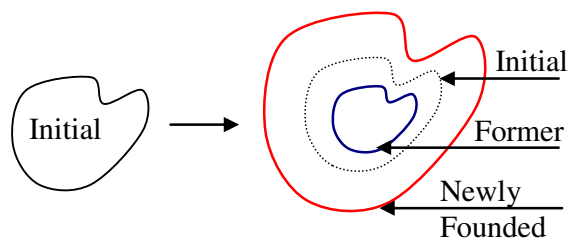


Cặp được tạo bởi hai Thế hệ G_{n-1} và G_{n+1} sẽ chống đối (triệt tiêu) lẫn nhau mạnh nhất. Hãy giải thích rõ hơn về điều này: Quang năng sẽ sinh Nhiệt năng (Nhiệt năng

và Quang năng có thể chuyển hoá thuận nghịch cho nhau với hiệu suất rất cao, gần như không tổn thất), sau đó Nhiệt năng sẽ biến thành Cơ năng và sinh Công làm cho Vật chuyển động và làm cho Năng lượng bị tổn thất vì Cơ năng sẽ không thể biến đổi thành Quang năng trở lại. Điều đó chứng tỏ rằng Cơ năng và Quang năng triệt tiêu lẫn nhau (Cơ năng triệt Quang năng).

c. Phủ định Cấu trúc hiện tại

Mọi Tiến hoá của Tự nhiên và Vũ trụ luôn phủ định Cấu trúc Hiện tại (Initial) để tạo ra các Cấu trúc Mới (Newly) nhưng mặt khác lại làm tái hiện Cấu trúc cũ (Former) như hình bên minh hoạ.



Định luật thứ sáu: Trong Chuỗi các Thế hệ Tiến hoá, Thế hệ Hiện tại luôn bị phủ định để tạo ra Thế hệ Mới và tái tạo Thế hệ Cũ.

$$\text{Over}U = U_{n+1};$$

$$U_0 = U_n = 0;$$

$$\text{Minus}U = U_{n-1}$$

Trong đó, Thế hệ Hiện tại U_n bị phủ định sau khi tạo ra Thế hệ Mới OverU và tái tạo Thế hệ Cũ MinusU

8. Phép Qui nạp

Tam Thuyết cho rằng mọi Biến Động trong Tự nhiên và Vũ trụ luôn phát triển theo các Quy luật Đồng dạng. Đó là Phép Qui nạp và cũng là một quan niệm hết sức đúng đắn.

Thứ nhất

$$P + N = 0 \Rightarrow n(P + N) = 0$$

$$\Rightarrow (P_1 + N_1) + (P_2 + N_2) + \dots + (P_n + N_n) = 0$$

$\Rightarrow P_i$ and N_i suy ra P_i và N_i luôn đồng dạng nhau và chúng luôn đối kháng lẫn nhau theo từng Cặp.

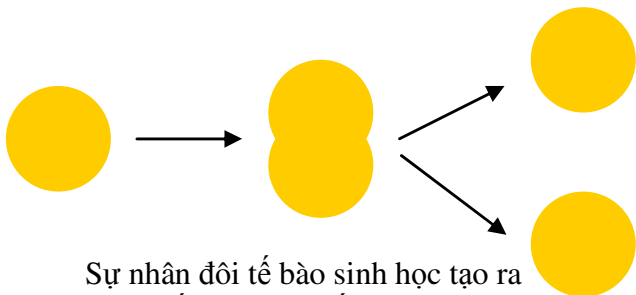
Thứ hai

OverU, U và MinusU luôn đồng dạng nhau

Kết luận: Mọi Thế hệ Tiến hoá của Tự nhiên và Vũ trụ luôn đồng dạng cả về Cấu trúc lẫn Giá trị Lượng tử

Định luật thứ bảy: Mọi Sự vật – Hiện tượng trong Tự nhiên và Vũ trụ luôn phát triển theo Cấu trúc Đồng dạng.

Phép Qui nạp cho phép khẳng định rằng Quy luật Sinh ra của mọi Sự vật – Hiện tượng chính là Quy luật Bán rã: Mọi Sự vật – Hiện tượng luôn phát triển bởi Nguyên lý Bán rã để nhân đôi Cấu trúc cũng như Giá trị...



Sự nhân đôi tế bào sinh học tạo ra một cặp tế bào mới giống nhau hoàn toàn

Vì vậy, Tự nhiên luôn phát triển bởi Quá trình Bán rã của các Nguyên tố Hoá học và Vũ trụ được phát triển nhờ Quá trình Bán rã của các Hệ Thiên thể như Đại Thiên Hà, Hệ Mặt trời... chúng đều nhân đôi Cấu trúc và mọi Giá trị có thể có.

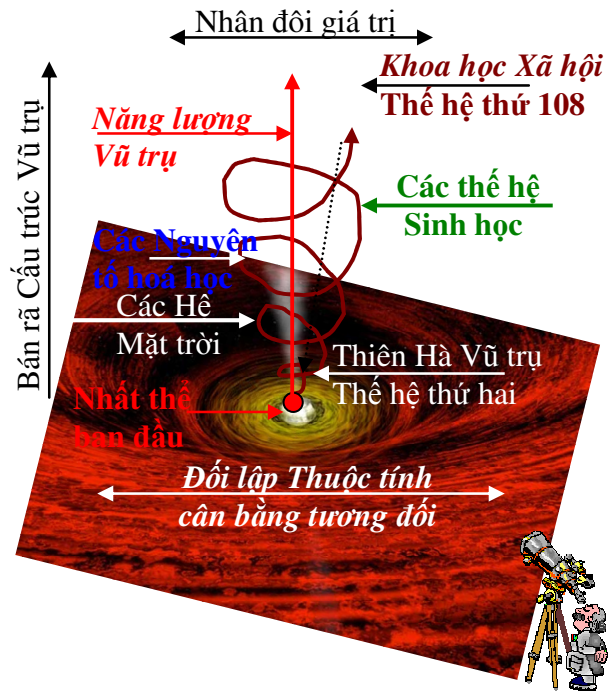
Tương tự, các Loại Sinh học cũng nhân đôi Cấu trúc Sinh học của

chúng. Tuy vậy, nếu Tự nhiên và Vũ trụ luôn tạo ra hai Cấu trúc không cùng giá trị (chỉ có tính đồng dạng chứ không cùng giá trị) thì ngược lại các Cấu trúc Sinh học Mới được nhân đôi luôn bằng nhau và có cùng Thuộc tính.

Đặc biệt, sự nhân đôi tế bào của các Cấu trúc Sinh học là bằng chứng rất hùng hồn cho việc khẳng định Nguyên lý Nhân đôi Cấu trúc của Vũ trụ và Tự nhiên bởi vì mọi quá trình Tiến hoá Sinh học đều chịu ảnh hưởng rất lớn của các Quy luật của Vũ trụ và Tự nhiên nói chung.

Hình bên mô tả Cây Phả hệ Tiến hoá của Tự nhiên từ Nguyên thể hay còn gọi là Nhất Thể (Prototype) của Vũ trụ cho tới khi Xã hội Loại người được hình thành trải qua 108 Thế hệ Tiến hoá (và 49 chu kỳ Tiến hoá).

Dưới tác động của Năng lượng Vũ trụ, mọi Sự vật – Hiện tượng luôn luôn được phát triển không ngừng và luôn bảo tồn những Quy luật ban đầu là Bán rã và Nhân đôi Cấu trúc Đồng dạng. Tam Thuyết chứng minh được Nguồn gốc của mọi Sự vật – Hiện tượng nhờ Phép Qui nạp.



9. Các Tập hợp Qui nạp

Mọi Sự vật – Hiện tượng xảy ra (tồn tại, vận động và phát triển...) trong Vũ trụ và Tự nhiên có thể tập hợp thành các Tập hợp với Thuộc tính và Cấu trúc Đồng dạng giống nhau nhất được gọi là các Tập hợp Qui nạp.

Mọi Sự vật – Hiện tượng đều được qui nạp đồng thời vào các Tập hợp Qui nạp khác nhau theo tất cả các Thuộc tính có thể có, từ đơn giản đến phức tạp dần:

Ban đầu là qui nạp về hai nhóm Thuộc tính Đối lập là Âm và Dương. Sau đó sẽ qui nạp thành các Nhóm Tam phân gồm ba Thuộc tính Tam Sinh là Âm – Trung tính – Dương để làm cơ sở cho việc qui nạp về Nhóm năm Thuộc tính của Ngũ Hành (Ngũ Hành được tạo bởi các Hệ Tam Sinh liên tục kế cận nhau).

Cuối cùng, các Sự vật – Hiện tượng mới được qui về tám Thuộc tính đặc trưng của Bát Quái... Tam Thuyết đã khẳng định rằng mọi Sự vật – Hiện tượng có thể qui về tám Tập hợp Qui nạp Thuộc tính căn bản như dưới đây:

Càn: Trời, Cha, Đàn ông, Dương tính...

Ly: Lửa, Trung nữ...

Chấn: Sấm chớp, Trưởng nam...

Cấn: Núi, Thiếu nam...

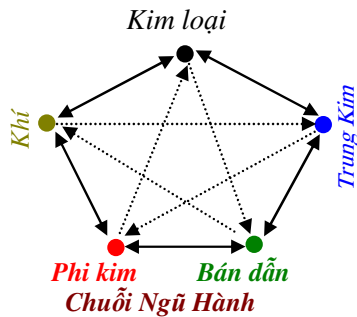
Tốn: Gió, Trưởng nữ...

Khảm: Nước, Trung nam...

Đoài: Đầm ao, Thiếu nữ...

Khôn: Đất, Mẹ, Phụ nữ...

10. Chuỗi Qui nạp



Tam Thuyết cho rằng Chuỗi Tiến hoá của mọi Sự vật – Hiện tượng trong Tự nhiên và Vũ trụ có thể được tập hợp thành Chuỗi Qui nạp Thuộc tính Tiến hoá như Chuỗi Âm – Dương, Ngũ Hành hoặc Chuỗi Bát Quái... với các Thuộc tính hoặc Trạng thái của Sự vật – Hiện tượng có thể biến đổi cũng như vận động theo Qui luật của Ngũ Hành và Bát Quái...

1	Hydrogen 1	Semiconductor			Metal	Air		Helium 2
	P1							P2
2	Lithium 3	Beryllium 4	Boron 5	Carbon 6	Nitrogen 7	Oxygen 8	Fluorine 9	Neon 10
	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10
3	Natrium 11	Magnesium 12	Aluminum 13	Silicon 14	Phosphorus 15	Sulfur 16	Chlorine 17	Argon 18
	P11	P12	P13	P14	P15	P16	P17	P18
4	Kalium 19	Calcium 20	Gallium 31	Germanium 32	Arsenic 33	Selenium 34	Bromine 35	Krypton 36
	P19	P20	P21	P22	P23	P24	P25	P26
5	Rubidium 37	Strontium 38	Indium 49	Tin 50	Antimony 51	Tellurium 52	Iodion 53	Xenon 54
	P27	P28	P29	P30	P31	P32	P33	P34
6	Casium 55	Barium 56	Thallium 81	Lead 82	Bismuth 83	Polonium 84	Astatine 85	86
	P35	P36	P37	P38	P39	P40	P41	P42
7	Francium 87	Radium 88	Actinium 89	Unp 105	Unh 106	Uns 107	Uno 108	
	P43	P44	P45	P46	P47	P48	P49	

Như hình trên, Bảng Tuần hoàn các Nguyên tố Hoá học mô tả mọi Nguyên tố Hoá học được tập hợp thành Bát Quái với tám Nhóm Hoá trị từ Hoá trị 1 cho tới ‘Hoá trị 8’ cũng như được qui theo Ngũ Hành theo Thuộc tính từ Kim loại, Trung Kim, Bán dẫn, Phi Kim và Chất Khí..

Thực chất, **Chuỗi và Tập hợp hoàn toàn tương đương nhau**, nhưng Tập hợp không quan tâm đến thứ tự trước sau của các Lượng tử trong Hệ mà chỉ quan tâm đến phối trí – cấu trúc giữa các Lượng tử (theo Không gian).

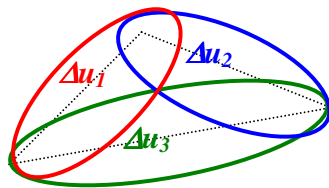
Còn đối với Chuỗi thì chủ yếu quan tâm đến tính trước sau theo Thời gian của các Lượng tử theo thứ tự Lượng tử được sinh ra trước sẽ đứng đầu và các Lượng tử sinh ra sau sẽ được đứng sau dần dần...

Việc Qui nạp các Lượng tử thành Chuỗi có ý nghĩa rất quan trọng là nó giúp xác định mối quan hệ khăng khít giữa các Sự vật – Hiện tượng bất kỳ với Thời gian: Nếu xác định được một số Lượng tử và các hàm của nó liên quan với Thời gian thì cũng sẽ suy đoán được các Lượng tử khác tiếp theo trong Chuỗi.

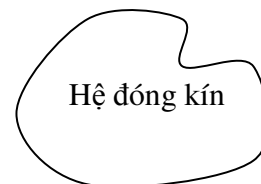
Vì thế, cần phải nghiên cứu các Chuỗi Thống kê dưới đây để xác định sự phụ thuộc của các Lượng tử theo tiến trình của Thời gian... Mặt khác, nếu xác định được sự quan hệ của Lượng tử với Thời gian thì cũng có thể suy đoán được mối quan hệ của nó với Không gian tức là cũng có thể suy đoán được Cấu trúc Tập hợp Lượng tử của nó (có thể qui nạp được thành Tập hợp). Ngược lại, nếu chỉ biết được Tập hợp Qui nạp thì chưa hẳn đã có thể suy đoán được Chuỗi Qui nạp của nó.

11. Chuỗi Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu.

Theo Định luật Âm – Dương thứ nhất, Vũ trụ là một Tập Rỗng sao cho nó bắt buộc Vũ trụ phải tạo ra một Cặp Tập hợp Đối lập Thuộc tính để có thể loại trừ lẫn nhau theo định luật thứ hai của Âm – Dương nhưng đó là theo Nguyên lý Tuyệt đối.



Chu tuyến tối thiểu gồm 3 Lượng tử



Theo Nguyên lý Tương đối, Âm không bao giờ đúng bằng Dương sao cho Tổng các Giá trị Tuyệt đối của chúng khác Không: Luôn tồn tại một Sai số giữa Âm và Dương sao cho Tổng của Âm, Dương và Sai số của chúng mới bằng Không.

Định lý thứ nhất: Vũ trụ luôn là một Hệ khép kín sao cho Tổng Giá trị của các Tập con luôn bằng Không.

$$U = \sum_1^n \Delta u_i = 0$$

Trong đó, Δu_i là các Tập con của Vũ trụ.

Đó chính là Định lý tổng quát cho trường hợp Vũ trụ là một Hệ Khép kín Vô hạn.

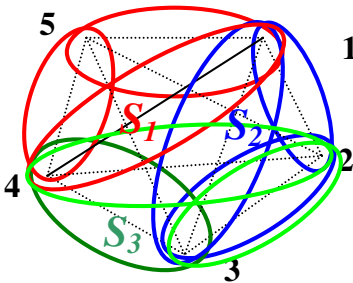
Để đơn giản hoá, có thể xem Hệ có ba Tập hợp gồm Âm (Δu_2), Dương (Δu_1) và Sai số (Δu_3). Như hình trên, Vũ trụ được tạo bởi ba Tập hợp con. Ba Lượng tử (Tập hợp con) này có thể quét kín để bắt buộc Vũ trụ phải trở thành Tập rỗng như ban đầu, có thể diễn đạt như dưới đây:

Định lý thứ hai: Chu tuyến Thống kê các Tập hợp con trong Hệ Khép kín ít nhất gồm ba Tập hợp con Xác suất Lượng tử sao cho Tổng của chúng luôn bằng Không.

$$L = \Delta u_1 + \Delta u_2 + \Delta u_3 = 0$$

Có nghĩa rằng ba Tập con Xác suất Lượng tử có thể lập thành một Hệ Khép kín sao cho Tổng của chúng bằng Không. Rất dễ chứng minh.

12. Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu



Chuỗi Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu chỉ là một Chu tuyến bao quanh một Hệ Khép kín (Mặt Khép kín), nó không thể quét kín toàn bộ Hệ nếu Hệ rất lớn (trở thành Mặt Khép kín) hoặc là Xác suất Lượng tử quá nhỏ.

Nhất thiết phải dùng Khái niệm Mặt thống kê Xác suất Lượng tử để xác định khả năng quét kín toàn bộ Mặt S chứa các Lượng tử trong đó và Xác suất Tồn tại cũng như Chuyển động của chúng: Hình học Vi phân có thể chứng minh rằng bất kỳ Mặt S nào cũng có thể được chia thành vô số các Mặt con (Sub – Sets) sao cho Tổng các Mặt con bằng đúng Mặt S.

Theo Nguyên lý Xác suất Lượng tử, có thể khai triển Định lý tổng quát cho Mặt Khép kín như sau:

Định lý thứ ba: Bất kỳ Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử nào cũng có thể được chia thành vô số các Mặt con sao cho Tổng Xác suất Lượng tử trên toàn Mặt Thống kê luôn bằng Không.

$$S = \sum_1^n \Delta S_i = 0$$

Trong đó, ΔS_i là Xác suất riêng phần trên từng Mặt con.

Định lý này rất dễ chứng minh.

Thêm vào đó, nó phải xác định số lượng tối thiểu các Mặt con trong Mặt Khép kín Xác suất Lượng tử. Tam Thuyết cho rằng nó đòi hỏi tối thiểu gồm ba Mặt con như định lý dưới đây:

Định lý thứ tư: Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu gồm ba Mặt con sao cho Tổng Xác suất Lượng tử trên toàn Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử đúng bằng Không.

$$S = \Delta S_1 + \Delta S_2 + \Delta S_3 = 0$$

Định lý này rất dễ chứng minh.

Theo định lý thứ hai, mỗi Mặt con của Mặt Thống kê có thể được chia thành ba Tập con Xác suất Lượng tử (trở thành Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu). Vì vậy, Mặt Thống kê có thể được tạo bởi ba Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu.

Như hình trên, hình học trực quan và Tam Thuyết khẳng định rằng nó chỉ cần có tám Tập hợp con là có thể quét kín toàn bộ Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử. Nếu có tới chín Lượng tử trong Mặt Thống kê thì sẽ có một cặp Lượng tử bị chồng chéo lên nhau.

Như vậy, có thể khai triển thành định lý dưới đây:

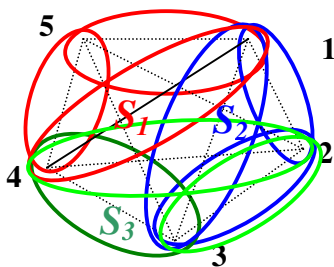
Định lý thứ năm: Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu gồm tám Tập con sao cho Tổng các Xác suất Lượng tử của chúng luôn bằng Không.

$$S = \Delta u_1 + \Delta u_2 + \dots + \Delta u_8 = 0$$

Định lý này rất dễ chứng minh.

13. Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu

Tại sao phải xác định các Chu tuyến và Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử?



Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu được xác định bởi 5 Tập con Xác suất Lượng tử

Theo định luật thứ nhất về Vũ trụ, Vũ trụ là một Tập Rỗng. Vì vậy, nếu bất kỳ Lượng tử nào được sinh ra và tồn tại, vận động, biến đổi cũng như phát triển.... trong Vũ trụ thì nó luôn bị bắt buộc phải giữ nguyên Tổng Giá trị Toàn phần của nó đúng bằng Không.

Hơn nữa, nó cũng cần phải có Chu tuyến Xác suất Lượng tử Tối ưu để bao kín toàn bộ Mặt S của Vũ trụ và giữ nguyên Tổng Xác suất Lượng tử trên toàn Chu tuyến đúng bằng Không.

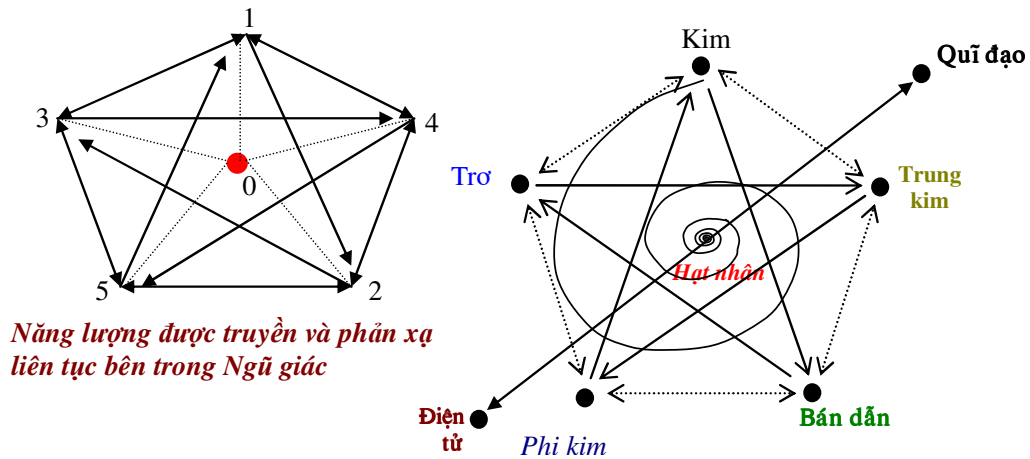
Theo hình trên, rất dễ thấy rằng Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu gồm năm Tập con của Xác suất Lượng tử có thể tồn tại trong Mặt S và có thể được khai triển tổng quát như định lý dưới đây:

Định lý thứ sáu: Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu trên Mặt Thống kê S gồm năm Tập con của Xác suất Lượng tử.

$$L = \Delta I_1 + \Delta I_2 + \dots + \Delta I_5 = 0$$

Định lý này rất dễ chứng minh.

Một lần nữa, Tam Thuyết chứng minh sự thâm sâu của nó: Nếu chỉ xem xét trên phương diện Hình học thuần túy thì Hình Ngũ giác là một Đa giác đều sao cho mọi Đường truyền và Phản xạ của Năng lượng có thể xảy ra trong Đa giác (tượng trưng cho Vũ trụ) sẽ được bao bởi Ngũ giác như sau:



Theo hình trên, nếu kẻ các đường thẳng từ các điểm 1 ÷ 5 với Tâm của Đa giác thì chúng sẽ trở thành các Pháp tuyến riêng phần (của mỗi góc của Đa giác) của các Đường truyền và Phản xạ Năng lượng được truyền và phản xạ liên tục bên trong Ngũ giác.

Vì vậy, Ngũ giác là Hệ Truyền – Phản xạ Khép kín của Năng lượng và giúp chúng được bảo toàn trong Hệ (trong Vũ trụ).

Nếu mọi chuyển động của các Vật trong Tự nhiên và Vũ trụ luôn được sắp xếp theo Ngũ giác đều thì Năng lượng Tương tác của Vũ trụ từ Tâm Vũ trụ đến các Vật sẽ luôn được Phản xạ một cách tuần hoàn từ Vật này sang Vật khác và giúp cho Năng lượng được bảo toàn không bị tổn thất.

Vì thế, mọi định luật và định lý có thể được rút ra từ mô hình nói trên của Ngũ Hành.

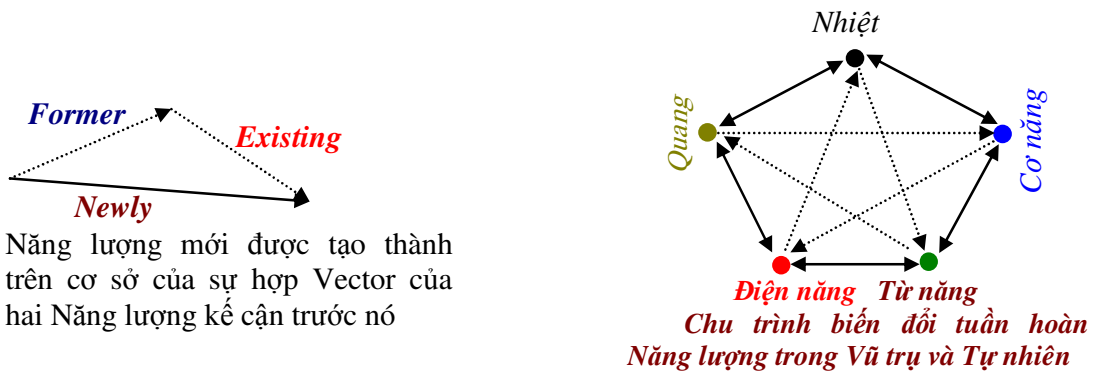
Ví dụ, định luật Phản xạ Ánh sáng ‘góc tới bằng góc phản xạ’: Nếu xem Tam giác được tạo bởi 5, 1 và 2 thì Pháp tuyến được tạo bởi đường thẳng nối từ 1 đến 0 (tâm của Ngũ Hành). Khi đó đường thẳng từ 5 đến 1

được coi là tia tới thì đường thẳng được nối từ 1 đến 2 được gọi là tia phản xạ và tạo ra Góc tới bằng Góc phản xạ.

Tương tự, định luật Bảo toàn và Chuyển hoá Năng lượng cũng được phát biểu bởi sự biến đổi tuần hoàn của Năng lượng như Ngũ Hành dưới đây sẽ cho thấy rằng Chuỗi Tuần hoàn Năng lượng được tạo thành theo chu trình thuận dưới đây:

Quang → Nhiệt → Cơ → Từ → Điện → quay trở lại (Quang)
 $\uparrow\downarrow \quad \uparrow\downarrow \quad \uparrow\downarrow \quad \uparrow\downarrow \quad \uparrow\downarrow$

Sinh → Tồn → Dịch → Biến → Phát triển → quay trở lại (Sinh)



Như vậy, Hệ Ngũ Hành cho thấy rằng sự biến đổi tuần hoàn của Năng lượng trong Vũ trụ và Tự nhiên phải được thực hiện theo đúng chu trình thuận của nó: Nếu theo đúng chiều của các mũi tên hai chiều (chỉ sự tương sinh) thì các Năng lượng lân cận có thể chuyển hoá lẫn nhau một cách dễ dàng nhất và với hiệu suất cao nhất.

Nếu theo chiều của mũi tên một chiều (tương khắc) thì sự biến đổi và chuyển hoá Năng lượng chỉ được xảy theo chiều của mũi tên là thuận lợi còn nếu biến đổi ngược lại thì sẽ khó hơn và hiệu suất cực nhỏ.

Thật vậy, Quang có thể trực tiếp sinh ra Nhiệt và Nhiệt cũng có thể sinh ra Quang (Quang và Nhiệt được gọi là tương sinh).

Ngược lại, Quang có thể sinh ra Cơ nhưng Cơ chưa hẳn đã sinh ra Quang. Hoặc Cơ sinh ra Điện với hiệu năng cao hơn là Điện sinh ra Cơ.

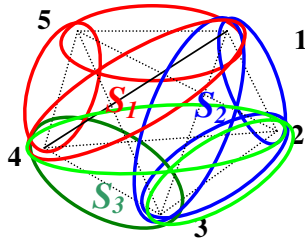
Mặt khác, sự hợp thành Năng lượng được tạo ra theo Nguyên lý Vector. Ví dụ, để sản ra Cơ năng thì không chỉ do Nhiệt biến đổi trực tiếp mà nó phải được hợp thành bởi Quang và Nhiệt năng. Tương tự, để có thể tạo ra Điện năng thì nó phải có sự hợp thành của Cơ năng và Từ năng... Quang năng cũng được tạo từ sự hợp thành của Điện năng và Từ năng.

Cũng trên mô hình đó cho thấy mối quan hệ (các định luật) giữa Năng lượng và các Quá trình Hình thành (chủ yếu do Quang năng, ví dụ, Vụ nổ sinh ra Vũ trụ), Quá trình Tồn tại là do Nhiệt năng (các Thiên thể tồn tại đều hoặc là phát xạ nhiệt hoặc là hấp thụ nhiệt), Quá trình Vận động thì phải cần

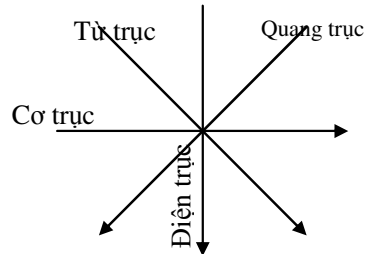
đến Cơ năng hoặc tạo ra Cơ năng, Quá trình Biến đổi phải cần đến Từ năng hoặc tạo ra Từ năng (chính vì thế, Từ trường của Trái đất ảnh hưởng rất lớn đến sự tiến hoá của Giới Sinh vật học trên Trái đất). Cuối cùng, Quá trình Phát triển liên quan rất lớn đến Điện năng theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen..

Đó chính là những tầm nhìn rất thâm sâu của Phương Đông Cổ đại. Tất nhiên, sự phối trí của các Lượng tử (đại lượng) theo các Chuỗi Ngũ Hành là một sự phối hợp bởi các phép Qui nạp cho nên không phải là chính xác ‘trăm phần trăm’ cho tất cả mọi trường hợp. Nhưng trong phạm vi Sai số Lượng tử là $\frac{1}{2} Q$ cho phép thì các phép Qui nạp có thể cho phép áp dụng ‘Toàn cầu hoá’ đối với tất cả mọi trường hợp.

14. Lớp Thống kê Xác suất Lượng tử Bảo hoà



Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử với tám Tập con Xác suất Lượng tử (đạt trạng thái tối ưu)



Bốn Trục cho bốn loại Năng lượng của Tự nhiên và Vũ trụ theo bốn phương truyền

• Lớp Thống kê được tạo bởi Mặt quay

Tương tự, Lớp Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu sẽ được tạo bởi Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử khi nó quay quanh bất kỳ Trục nào.

Theo trên, mọi Sự vật – Hiện tượng trong Tự nhiên và Vũ trụ phải chuyển động quay thường xuyên quanh một Tâm của Vũ trụ và luôn được sắp xếp theo một Ngũ giác đều (Ngũ Hành) sao cho mọi Sự vật – Hiện tượng luôn có thể nhận được toàn bộ Năng lượng của Vũ trụ truyền cho chúng (và được phản xạ từ Vật này sang Vật khác).

Vì vậy, Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử phải luôn quay theo trật tự của các Phương Truyền Năng lượng: Có năm dạng Năng lượng gồm Photon (ánh sáng), Nhiệt năng, Cơ năng, Từ năng và Điện năng. Đặc biệt, Nhiệt năng có thể truyền theo mọi hướng (vô hướng) nhưng các Năng lượng khác đều phải được truyền theo một hướng nhất định.

Hơn nữa, thực chất Năng lượng Nhiệt muốn truyền đi phải có ‘vật mang’, bản thân nó không tự truyền đi được trong Không gian.

Theo trên, có bốn Phương truyền của Năng lượng cho Photon, Cơ năng, Từ năng và Điện năng.

Có tám Tập con (tám Lượng tử) trong Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử Tối ưu, khi Mặt Thống kê quay xung quanh bất kỳ một Trục nào thì nó cũng sẽ tạo ra tám Lớp Thống kê Xác suất Lượng tử.

Đó chính là tám Lớp Thống kê Xác suất Lượng tử (ví dụ, đó là tám Lớp của Nguyên tử gồm bảy Lớp Điện tử và một ‘Lớp’ Hạt nhân) và trở thành các Lớp Quỹ đạo Lượng tử của Hệ đang xét.

Tương tự, Mặt Thống kê Xác suất Lượng tử có thể quay trên bốn Trục quay được gọi là các Trục Quang, Trục Cơ, Trục Từ và Trục Điện theo từng bước và tạo ra tám lớp Xác suất Lượng tử nhưng nó có thể tạo ra tối đa không vượt quá 32 Xác suất Lượng tử cho các Lớp thứ 4 và thứ 5 như sau:

$$Q = 8(Sub - Sets) \times 4(Axis) = 32 \text{ Quantum (Lượng tử)}$$

Mọi giá trị Xác suất Lượng tử trên các Lớp (Quỹ đạo) khác sẽ được chứng minh và được xác định theo qui luật của Ngũ Hành cũng như Bát Quái ở Quyển 2 – 108 Nguyên lý và Quyển 3 – Toán học Mơ hồ.

15. Mã Nhị phân

Mã Nhị phân từng được nghiên cứu bởi Toán học Logic ở Phương Tây nhưng chỉ thuần túy trên phương diện Toán học.

Khoa học Phương Đông Cổ đại từng nghiên cứu trên phương diện Lượng tử hoá Xác suất với sự qui ước Âm và Dương.

a. Hàm Nhị phân


Mã Âm Mã Dương
Hệ thống Mã Nhị phân
theo Mã Âm – Dương

Thứ nhất, nó được qui ước bởi các vạch như hình trên. Sau đó, nó được tổ hợp bởi ‘Tam Tài’ để lập thành Hệ Mã Nhị phân Âm – Dương và trở thành Khoa học Dự đoán hết sức Siêu nghiệm.

Thêm vào đó, với Lượng tử Mờ, Mã Nhị phân biểu thị Hàm mô tả sự tiến hoá của Thuộc tính của Lượng tử từ Âm thành Dương và ngược lại từ Dương thành Âm như sau:

$$Q = F[Yang, Yin]$$

Trong đó, Q: Lượng tử, Yin: Thuộc tính Âm và Yang: Thuộc tính Dương, được khai triển tiếp tục như sau:

$$NegQ = Q \oplus Yang = Yin$$

b. Hàm Mơ hồ

Khi Lượng tử Q chuyển động và biến đổi thì Thuộc tính của nó cũng bị biến đổi từ Yin sang Yang và ngược lại sao cho có thể tạo ra các Lượng tử có Thuộc tính Mờ (Lượng tử Mờ) như dưới đây:

$$Q \in F[Yang, Yin]$$

Trong Vũ trụ và Tự nhiên, luôn tồn tại vô số Lượng tử không thể xác định một cách rõ ràng Thuộc tính cũng như Giá trị của chúng (phụ thuộc vào sự thay đổi) và được gọi là các Lượng tử Mờ.

c. Hàm Mơ hồ được qui ước

Có thể qui ước Yang (Dương) = 1 và Yin (Âm) = -1 thì nó có thể được khai triển như dưới đây:

$$Q = F[1, -1]$$

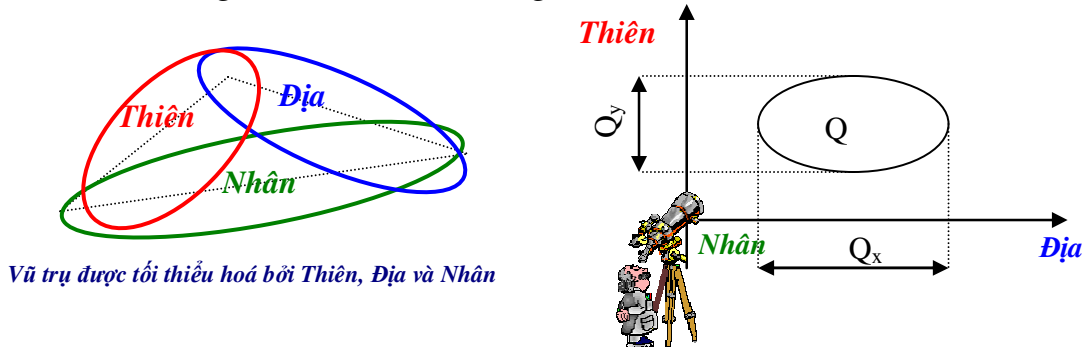
Đó chính là Hàm Lượng tử Mơ hồ bởi vì nó không xác định rõ Thuộc tính cho Lượng tử bởi một Thuộc tính bất kỳ nào đó hoặc là Yin hoặc là Yang mà nó chỉ xác định Khoảng Biến đổi của Thuộc tính từ Yin sang Yang và ngược lại như sau:

$$Q \in F[1, -1]$$

Khi Vũ trụ tăng trưởng thì Thuộc tính Lượng tử sẽ càng trở nên đa dạng hơn nên sẽ càng khó khăn cho việc định loại Thuộc tính của Lượng tử. Lúc đó, ‘khoảng cách’ giữa các Lượng tử càng ‘ngắn’ hơn, có nghĩa là các Thể hệ Lượng tử lân cận sẽ càng giống nhau hơn.

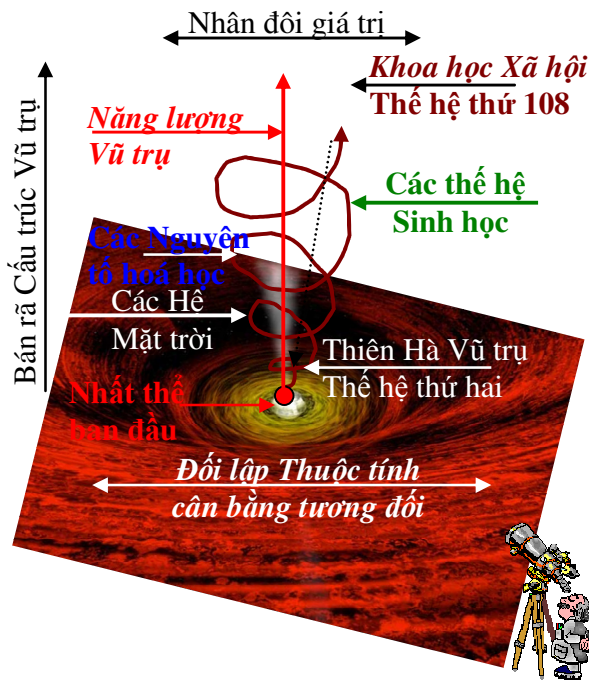
16. Tam tài

Theo những lý luận trên (Phép Qui nạp), Khoa học Phương Đông Cổ đại cũng như Tam Thuyết cho rằng Con người và mọi Giống loài Sinh học đều được sinh ra, được tồn tại, vận động, biến đổi và phát triển theo cùng Quy luật Vận động và Phát triển (được gọi là Quy luật Tự nhiên).



Vì vậy, Tam Thuyết từng cho rằng Con người và Vũ trụ cũng có cùng Quy luật Tự nhiên hoặc Con người và Vũ trụ là một thể thống nhất (là một Tập hợp). Tập hợp thống nhất này sẽ được chia thành ba Tập hợp con (như đã lý giải và phân tích ở trên đây) gồm Thiên (Vũ trụ), Nhân (Con người) và Địa (Trái đất) để lập thành Chu tuyến Thống kê Xác suất Tối thiểu.

Trên cơ sở đó, nếu xem xét các quá trình vận động và biến đổi của một trong ba Lượng tử Đại diện nói trên cũng sẽ xác định được quá trình vận động và biến đổi chung của Vũ trụ cũng như Tự nhiên và Xã hội...



Tự nhiên (gồm Vũ trụ và Vạn vật) luôn chi phối Con người và Con người cũng chi phối Tự nhiên.

Đó chính là quan điểm rất tiên bộ trong Khoa học và đối với Nền Văn minh của Nhân loại nhưng Khoa học Hiện đại cho đến nay vẫn chưa nhận thức được điều đó. Vì vậy, Khoa học Hiện đại chưa thể khám phá được những thành quả lớn về những mối quan hệ giữa Con người và Thế giới Tự nhiên như Khoa học Cổ Đại Phương Đông đã từng thành công từ rất lâu, ngay từ trước Công Nguyên.

Quan điểm này được phát triển thành Định lý dưới đây:

Định lý thứ bảy: Có thể lựa chọn bất kỳ ba Phần tử (Tập hợp con) trong Vũ trụ để thiết lập nên Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu (Nguyên lý Tương đối).

Định lý này rất dễ chứng minh.

Vì vậy, Con người là một Tập con trong ba Tập con bất kỳ được chọn để lập nên Chu tuyến Thống kê Xác suất Lượng tử Tối thiểu của Vũ trụ với hai Tập con khác là Vũ trụ và Trái đất.

17. Mã Tam phân

Theo ‘Tam Tài’, Khoa học Phương Đông Cổ đại đã cho rằng nếu có ba Sự vật – Hiện tượng bất kỳ thì chúng sẽ có thể xác định được chín Thế hệ trong Chu trình Vận động – Tiến hoá của Tự nhiên và Vũ trụ. Đó là Ý tưởng hết sức đúng đắn!

Theo Định lý thứ tư: Trong Chuỗi các Thế hệ Tiến hoá của tự nhiên và Vũ trụ, luôn tồn tại tối thiểu ba Thế hệ lân cận đồng dạng với nhau:

$$\text{Over}U = U_{n+1};$$

$$U_0 = U_n;$$

$$\text{Minus}U = U_{n-1}$$

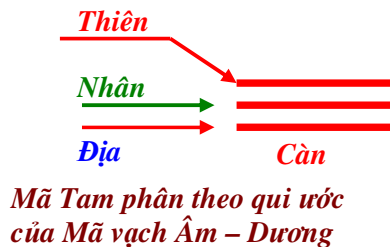
Trong đó, $\text{Over}U = U_{n+1}$: Thế hệ Mới, $U_n = U_0$: Thế hệ Hiện tại và $\text{Minus}U = U_{n-1}$: Thế hệ Cũ, đều có cùng Cấu trúc Đồng dạng.

Từ đó cho phép qui nạp mọi Sự vật – Hiện tượng đều đồng dạng nhau.

Vì vậy, nếu mỗi Sự vật – Hiện tượng có thể xác định được ba Thể hệ lân cận thì từ ba Sự vật – Hiện tượng đó có thể xác định được chín Thể hệ lân cận của chúng...



Theo trên, Tam Thuyết đã lập nên Mã Tam phân với ba vạch mã, mỗi vạch qui ước cho mỗi Sự vật – Hiện tượng (được Dịch học gọi là Hào) sao cho ba vạch sẽ tượng trưng cho ba Sự vật – Hiện tượng. Các Mã Vạch sẽ tượng trưng cho Thiên, Địa và Nhân. Chúng sẽ tạo ra Phả Hệ của chín Thể hệ lân cận nhau theo Định luật thứ tư và các Thông tin của các Sự vật – Hiện tượng có thể được xác định bởi các hệ thức dưới đây:



$$Q_y = V[\text{Yang}, \text{Yin}]$$

$$Q_x = A[\text{Thiên}, \text{Nhân}, \text{Địa}]$$

Trong đó, A: Hàm Thuộc tính của Lượng tử. V: Hàm Định lượng Giá trị của Lượng tử.

Theo trên, Q_y là Hàm xác định Thuộc tính của các Sự vật – Hiện tượng, Q_x là Hàm xác định các Thể hệ của Sự vật – Hiện tượng.

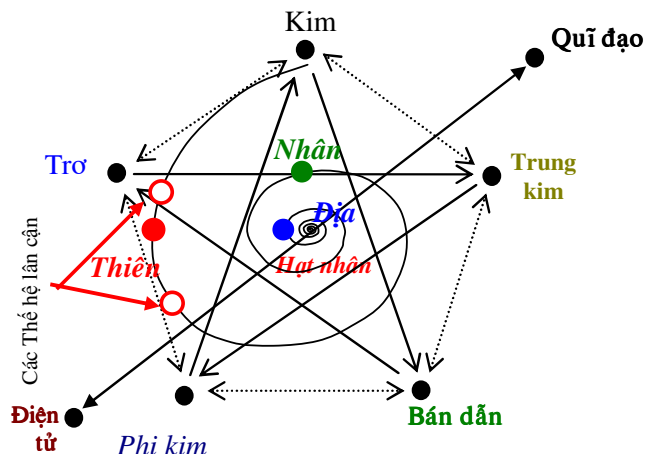
Đó chính là các Hàm Logic Mơ hồ của Xác suất Lượng tử để xác định khả năng Vận động và Biến đổi của mọi Sự vật và Hiện tượng.

Mỗi Sự vật hoặc Hiện tượng sẽ xác định thêm hai Thể hệ lân cận để tạo ra Nhóm Thông tin.

Thêm nữa, nếu có thể xác định được Phase hoặc Chu kỳ của Tự nhiên và Vũ trụ thì nó có thể xác định Tiến trình Thời gian Vận động và Biến đổi của Sự vật Hiện tượng một cách tương tự.

Vì vậy, nhất thiết phải xác định được ba Quẻ (phải

gieo Quẻ ba lần) để đại diện cho ba thời điểm tương ứng với Tương lai, Hiện tại và Quá khứ như Thuật Số Phương Đông (khi muốn xem xét một sự kiện nào đó, Dịch học – Thuật Số Phương Đông có phương pháp gieo Quẻ để xác



Phả hệ của 9 Thể hệ được tạo từ ba Sự vật – Hiện tượng ban đầu bất kỳ để có thể cho phép xác định Thông tin theo Phép Qui nạp Đồng dạng

định các sự kiện theo Phép ‘Ứng ngẫu nhiên’: phải gieo Quê ba lần để lấy được các ‘Ứng nghiệm’).

$$t = T[\textit{Future, Present, Past}]$$

Tam thuyết gồm 108 Nguyên lý và 108 Định luật về quá trình Vận động và Biến đổi của 108 Lượng tử Đại diện trong Hệ Bảo hoà của Tự nhiên và Vũ trụ, cùng với 180 Định lý về 180 Phase (49 Chu kỳ) Tiến hoá của Thế giới Vật chất và Xã hội Loài người.

Kết luận: Mặc dù trong những tài liệu nói Về Dịch học cũng như về các Học thuyết của Khoa học Phương Đông Cổ đại không hề nhắc đến những khái niệm Lượng tử hay Xác suất nhưng bằng Toán học Hiện đại, Công trình này đã phát hiện những trùng hợp giữa các Học thuyết Cổ đại của Phương Đông với những Nguyên tắc Lượng tử và Xác suất.

18. Lượng tử hoá và Thông tin học Hiện đại

Cơ học Lượng tử hay Vật lý Lượng tử nói chung đều chính là những ngành Khoa học có tính dự đoán. Thật vậy, bởi vì Thế giới Lượng tử là một Thế giới dưới tầm Vi mô mà con người không thể quan sát được cũng như tất cả mọi phương tiện thiết bị hiện đại đến đâu thì cũng không thể hỗ trợ cho con người quan sát được một cách rõ ràng và toàn diện về nó.

Chính vì thế, những gì mà con người và Khoa học Hiện đại có thể quan sát được chỉ là ‘cái vỏ bên ngoài’ của Sự vật – Hiện tượng chứ không thể là bản chất bên trong của toàn bộ Sự vật – Hiện tượng.

Trên cơ sở những gì đã quan sát được, các nhà Khoa học mới bắt đầu nặn vẽ và uốn nắn để cho ra một hình thái cấu trúc (mô hình) hoàn thiện của Vật chất và Vũ trụ nói chung.

Nhưng nói chung, những Mô hình Vật lý mà từ trước tới đây do Khoa học Hiện đại tìm ra thực chất vẫn chưa phải là bản chất thực của nó mà chỉ là các Sản phẩm Dự đoán theo ‘trí tưởng tượng phong phú’ của các nhà Khoa học Phương Tây mà thôi.

Cho nên, Khoa học Phương Tây và Khoa học Hiện đại nói chung vẫn chưa tìm được lời giải đáp hoàn thiện và đúng đắn.

Trên cơ sở đó, Khoa học đang được hình thành và phát triển trên cơ sở của những Khoa học có tính Dự đoán (**Thông tin học**) mà công cụ đặc lực nhất của nó chính là Lượng tử (Cơ học Lượng tử - Vật lý Lượng tử). Đặc biệt là Lượng tử hoá: **Lượng tử và Lượng tử hoá nói chung sẽ hỗ trợ cho con người khám phá ra nhiều bí ẩn mới của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội.**